

Bản án số: 72 /2019/HC-PT

Ngày 13 - 6 - 2019

*“Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai và bồi
thường thiệt hại”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm

Bà Lê Thúy Cầu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 94/2019/TLPT-HC ngày 21/01/2019 về việc *“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và bồi thường thiệt hại”*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2018/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định có kháng cáo của người khởi kiện ông Đặng Đức T.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 475/2019/QĐ-PT ngày 27/5/2019 giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông Đặng Đức T - sinh năm: 1960

Trú tại: thôn B1, xã H5, huyện H1, tỉnh Bình Định. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh H - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H1, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn Đ - Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H1, tỉnh Bình Định (Theo Giấy ủy quyền số 05/GUQ-UBND ngày 23/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H1). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện H1, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H1, tỉnh Bình Định (Theo Giấy ủy quyền số 08A/GUQ-UBND ngày 23/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H1, tỉnh Bình Định). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H1, tỉnh Bình Định (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện)

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H2 - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H1, tỉnh Bình Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thu H3 - sinh năm: 1968; trú tại: số 358/2 đường N1, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt lần thứ 2.

- Bà Võ Thị H4 - sinh năm: 1930;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Đức T (theo Giấy ủy quyền lập ngày 30/7/2018 tại UBND xã H5, huyện H1, tỉnh Bình Định).

Cùng trú tại: thôn B1, xã H5, huyện H1, tỉnh Bình Định. Có mặt.

- Bà Đặng Thị Thi T1 - sinh năm: 1968;

Trú tại: tổ 4, khối 4, thị trấn B2, huyện H1, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Đức T - sinh năm: 1960 (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 30/7/2018 tại UBND thị trấn B2, huyện H1, tỉnh Bình Định). Có mặt.

Trú tại: thôn B1, xã H5, huyện H1, tỉnh Bình Định.

- Bà Đặng Thị Tố N - sinh năm: 1964;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Đức T (theo Giấy ủy quyền lập ngày 30/7/2018 tại UBND xã H5, huyện H1). Có mặt.

Trú tại: thôn B1, xã H5, huyện H1, tỉnh Bình Định.

4. Người kháng cáo: Ông Đặng Đức T, là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. *Người khởi kiện ông Đặng Đức T trình bày:*

Gia đình ông có 02 thửa đất liền kề là thửa đất số 1130 và thửa đất số 1227 thuộc tờ bản đồ số 10 có tổng diện tích là 3.164 m² tọa lạc tại thôn B1, xã H5, huyện H1, tỉnh Bình Định. Gia đình ông T quản lý, sử dụng ổn định các thửa đất từ năm 1936 và đã được Ủy ban nhân dân (UBND) xã H5 xác nhận về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất.

Năm 2001, UBND huyện H1, tỉnh Bình Định đã tiến hành thu hồi một phần các thửa đất nói trên có diện tích là 2.365,4 m², để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu B2, giá trị bồi thường là 630 đồng/m² và tại thời điểm thu hồi, thửa đất của gia đình Ông đang được sử dụng làm mặt bằng để sản xuất kinh doanh. Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện H1, ông đã có đơn khiếu nại và đã được giải quyết bằng các Quyết định giải quyết khiếu nại số 360/QĐ-CT ngày 24/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện H1, tỉnh Bình Định; Quyết định số 2568/QĐ-UB ngày 18/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và Quyết định số 1048/QĐ-BTNMT ngày 19/8/2004 của Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường.

Tuy nhiên, ông không đồng ý và tiếp tục có đơn khiếu nại đến Thủ tướng Chính phủ. Tại Báo cáo số 2647/BC-TTCTP ngày 31/10/2014, Thanh tra Chính phủ đã có kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh Bình Định điều chỉnh các quyết định giải quyết khiếu nại nói trên. Ngày 28/7/2015, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 1905/QĐ-BTNMT về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông, có nội dung như sau:

“Điều 1. Điều chỉnh Quyết định số 1048/QĐ-BTNMT ngày 19/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và giải quyết vụ việc theo hướng:

- Bồi thường giá trị quyền sử dụng 2.365,4m² đất cho gia đình ông Đặng Đức T theo giá đất sản xuất kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cầu B2.

- Gia đình ông T được tiếp tục sử dụng 789,6 m² đất còn lại nằm trong chỉ giới Quốc lộ 1A và hành lang an toàn giao thông, khi Nhà nước thu hồi để thực hiện quy hoạch, ông T được bồi thường theo quy định của pháp luật”.

Tại Quyết định số 6879/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện H1 đã bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cầu B2, huyện H1 cho hộ ông cụ thể như sau:

- Diện tích, loại đất được bồi thường, hỗ trợ: 2.365,4 m² đất sản xuất kinh

doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ.

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với đất đai (đã làm tròn): 2.720.210.000 đồng.

- Về bố trí nhà ở hoặc đất ở tái định cư: không có.

Ông không đồng ý và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 6879/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện H1;

- Yêu cầu UBND huyện H1 tính toán lại việc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thực hiện việc thu hồi đất đối với hộ ông cụ thể như sau:

- + Bồi thường đối với diện tích đất sản xuất kinh doanh đã bị thu hồi còn thiếu: 5.134.204.800 đồng;

- + Bồi thường thiệt hại do ngừng sản xuất kinh doanh, mất thu nhập trong 17 năm: 61.138.205.251 đồng;

- + Bồi thường thiệt hại về tinh thần, vật chất do việc khiếu kiện kéo dài bằng 50 tháng lương tối thiểu: 69.500.000 đồng;

- + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất còn lại sau thu hồi đất sản xuất kinh doanh: 798,6 m²;

- + Cấp 01 thửa đất với diện tích tương đương với diện tích 1000 m² đất cùng với công năng sử dụng đất đã bị thu hồi.

- + Hỗ trợ chi phí ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi nghề khi Nhà nước thu hồi đất.

- + Tính toán bồi thường một khoản tiền hợp lý đối với toàn bộ hệ thống dây chuyền sản xuất gạch ngói đã bị cưỡng chế hư hỏng trong 17 năm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đặng Đức T chỉ yêu cầu Tòa xem xét hủy Quyết định số 6879/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện H1. Ông T tự nguyện rút khởi kiện về các yêu cầu: Bồi thường thiệt hại do ngừng sản xuất, kinh doanh, thu nhập bị mất trong thời gian 17 năm; bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần và sức khỏe trong 17 năm; yêu cầu hỗ trợ hợp lý để ổn định sản xuất kinh doanh - hỗ trợ cho phí đào tạo, chuyển đổi nghề; yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 798,6 m²; cấp 1000 m² để tái sản xuất kinh doanh và bồi thường toàn bộ dây chuyền sản xuất gạch ngói đã bị cưỡng chế tháo dỡ.

[2]. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện H1 là ông Nguyễn Văn Đ, Phó Chủ tịch UBND huyện H1, tỉnh Bình Định trình bày:

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu B2, nhà nước đã tiến hành thu hồi một phần diện tích đất của hộ gia đình ông Đặng Đức T vào năm 2001. Dự án đầu tư xây dựng cầu B2 thuộc Dự án khôi phục các cầu trên Quốc lộ 1, giai đoạn II-3 tỉnh Bình Định theo Quyết định số 1309/QĐ-GTVT ngày 02/6/1999 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Hộ ông T đã được đền bù, hỗ trợ các khoản với tổng số tiền là 26.963.918 đồng. Ông T có đơn khiếu nại, tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 360/QĐ-CT ngày 24/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện H1 đã chấp nhận một phần yêu cầu khiếu nại, bổ sung 02 khoản đền bù cho hộ ông T là hỗ trợ sản xuất kinh doanh 1.400.000 đồng và hỗ trợ nâng giá 04 cây gòn 600.000 đồng. Ông T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định và tại Quyết định số 2568/QĐ-UB ngày 18/4/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định đã không chấp nhận khiếu nại của ông T. Sau khi nhận được quyết định giải quyết khiếu nại nói trên của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, ông T tiếp tục có đơn khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; tại Quyết định số 1048/QĐ-BTNMT ngày 19/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường không công nhận nội dung khiếu nại của ông T, giữ nguyên Quyết định số 2568/QĐ-UB ngày 18/4/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, ông T tiếp tục có đơn khiếu nại đến Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện theo Văn bản số 432/VPCP-V.I ngày 17/01/2014 của Văn phòng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ đã tiến hành kiểm tra, xác minh đối với các khiếu nại của ông T. Tại Báo cáo số 2647/BC-TTCT ngày 31/10/2014, Thanh tra Chính phủ đã có kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh Bình Định điều chỉnh các quyết định giải quyết khiếu nại nói trên. Ngày 28/7/2015, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 1905/QĐ-BTNMT về việc giải quyết khiếu nại của ông T.

Trên cơ sở nội dung của Quyết định số 1905/QĐ-BTNMT ngày 28/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và ý kiến của UBND tỉnh Bình Định tại Thông báo số 80/TB-UBND ngày 20/4/2016, UBND huyện H1 đã tiến hành lập các phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Đặng Đức T theo quy định. Tại Quyết định số 6879/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện H1 thì chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cầu B2, huyện H1 cho hộ ông Đặng Đức T cụ thể như sau:

- Diện tích, loại đất được bồi thường, hỗ trợ: 2.365,4 m² đất sản xuất kinh

doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ.

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với đất đai (đã làm tròn): 2.720.210.000 đồng.

- Về bố trí nhà ở hoặc đất ở tái định cư: không có.

Hiện nay, ông T đã đại diện nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ 2.720.210.000 đồng theo các ủy nhiệm chi lập ngày 03/9/2015 và 21/9/2017.

Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cầu B2, huyện H1 đối với hộ ông Đặng Đức T là đúng quy định về diện tích đất bị thu hồi, loại đất được bồi thường, đơn giá đất tại thời điểm bồi thường. Do đó, Chủ tịch UBND huyện H1 không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đức T.

[3]. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H1 trình bày:

Thực hiện Văn bản số 337/UBND-GPMB ngày 29/4/2016 của UBND huyện H1, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H1 đã tiến hành phối hợp với các ngành thuộc huyện, UBND xã H5 lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Đặng Đức T theo quy định; cụ thể như sau:

- Về chính sách bồi thường, hỗ trợ được áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Về diện tích, loại đất được bồi thường: 2.365,4 m² theo giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, không phải là đất thương mại, dịch vụ theo Quyết định số 1905/QĐ-BTNMT ngày 28/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Về đơn giá đất bồi thường: $2.300.000 \text{ đồng/m}^2 \times 50\% = 1.150.000 \text{ đ/m}^2$ theo Quyết định số 2500/QĐ-UBND ngày 21/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt bổ sung đơn giá đất ở để tính bồi thường giải phóng mặt bằng đối với dự án Mở rộng Quốc lộ 1 trên địa bàn huyện H1; Quyết định số 47/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh tỷ lệ (%) xác định giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại Bảng giá các loại đất năm 2015 (định kỳ 5 năm) trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Quyết định số 6879/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cầu B2, huyện H1 đối với hộ ông Đặng Đức T là đúng quy định.

[4]. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị H4, bà Đặng Thị Thi T1, bà Đặng Thị Tố N thống nhất nội dung trình bày của ông

Đặng Đức T.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 42/2018/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào quy định tại các Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào quy định của Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 2500/QĐ-UBND ngày 31/7/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt bổ sung đơn giá đất ở để tính bồi thường giải phóng mặt bằng đối với dự án Mở rộng Quốc lộ 1 trên địa bàn huyện H1; Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Bảng giá các loại đất năm 2015 (định kỳ 5 năm) trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 47/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh tỷ lệ (%) xác định giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp Bảng giá các loại đất năm 2015 (định kỳ 5 năm) trên địa bàn tỉnh Bình Định. Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đức T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6879/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H1, tỉnh Bình Định;

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện H1 tính toán lại việc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau: bồi thường, hỗ trợ đối với nhà cửa, công trình, cây cối, hoa màu trên đất; hỗ trợ chuyển đổi nghề; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích đất còn lại sau thu hồi 798,6m²; giải quyết cấp 1000 m² để tái sản xuất; hỗ trợ cho hộ sản xuất kinh doanh bị đình đốn do không có mặt bằng sản xuất kinh doanh; bố trí đất tái định cư và bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần cho ông Đặng Đức T do việc khiếu kiện kéo dài gây ra.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quy định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người khởi kiện ông Đặng Đức T có đơn kháng cáo vào ngày 08/10/2018

và đơn kháng cáo bổ sung ngày 09/10/2018 yêu cầu hủy Bản án số 42/2018/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định với lý do: cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ, toàn diện nội dung vụ việc và lý do yêu cầu khởi kiện của bên khởi kiện. Mức giá bồi thường đất còn thấp so với giá thị trường và bồi thường chưa đủ vì không nhân hệ số vị trí đất $k=1,2$. Đồng thời với kháng cáo, ông Đặng Đức T còn có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng định giá diện tích đất $2.365,4m^2$ đất thu hồi theo giá đất thị trường hiện nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo có ý kiến trường hợp bồi thường cho ông T phải theo giá thị trường hiện nay mới đảm bảo quyền lợi; UBND huyện H1 áp dụng Quyết định 47 để tính giá là sai vì thời hạn 05 năm là từ 2015 trở về trước, sau 2015 chưa có Quyết định nào thay thế, như vậy là sai thời điểm. Ngoài ra khi bồi thường không hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thiệt hại do ngừng sản xuất, bồi thường tổn thất về tinh thần. Đề nghị tạm ngừng phiên tòa để tiến hành định giá đất bị thu hồi, đồng thời để cho bên người bị kiện có điều kiện tham gia phiên tòa giải trình, giải thích những nội dung khởi kiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính; người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa gây khó khăn cho quá trình tranh tụng làm sáng tỏ vụ án; đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên các quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hộ ông Đặng Đức T có 02 thửa đất liền kề là thửa đất số 1130 và thửa đất số 1227 thuộc tờ bản đồ số 10 có tổng diện tích là $3.164 m^2$ tọa lạc tại thôn B1, xã H5, huyện H1, tỉnh Bình Định.

Năm 2001 khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu B2, thuộc Dự án khôi phục các cầu trên Quốc lộ 1, giai đoạn II-3 tỉnh Bình Định; Ủy ban nhân dân huyện H1, tỉnh Bình Định đã tiến hành thu hồi một phần các thửa đất nói trên có diện tích là $2.365,4 m^2$ của hộ gia đình ông Đặng Đức T.

Ông T đã có nhiều khiếu nại về việc bồi thường đất thu hồi, tại Quyết định số 1905/QĐ-BTNMT ngày 28/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (QĐ 1905) giải quyết cuối cùng khiếu nại của ông T có nội dung: *“Bồi thường giá trị quyền sử dụng $2.365,4m^2$ đất cho gia đình ông Đặng Đức T theo giá đất sản xuất kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cầu B2.*

- Gia đình ông T được tiếp tục sử dụng $789,6 m^2$ đất còn lại nằm trong chỉ

giới Quốc lộ 1A và hành lang an toàn giao thông, khi Nhà nước thu hồi để thực hiện quy hoạch, ông T được bồi thường theo quy định của pháp luật”.

Tại Quyết định số 6879/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện H1 đã quy định chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cầu B2, huyện H1 cho hộ ông Đặng Đức T cụ thể như sau:

- Diện tích, loại đất được bồi thường, hỗ trợ: 2.365,4 m² đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ.

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với đất đai (đã làm tròn): 2.720.210.000 đồng.

- Về bố trí nhà ở hoặc đất ở tái định cư: không có.

Hiện nay, ông T đã đại diện nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ nói trên 2.720.210.000 đồng theo các ủy nhiệm chi lập ngày 03/9/2015 và 21/9/2017. Nhưng ông T vẫn khởi kiện vụ án hành chính về việc áp giá bồi thường không đúng tại Quyết định số 6879/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện H1.

[2] .Xem xét về đơn giá đất bồi thường: tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai 2013 quy định việc bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại thời điểm quyết định thu hồi. Theo khoản 3 Điều 114 Luật đất đai quy định UBND cấp tỉnh ban hành giá đất cụ thể.

Tại Quyết định số 2500/QĐ-UBND ngày 21/7/2014 (Quyết định 2500) của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt bổ sung đơn giá đất ở để tính bồi thường giải phóng mặt bằng đối với dự án Mở rộng Quốc lộ 1 trên địa bàn huyện H1 thì đơn giá đất bồi thường đối với đất ở là 2.300.000 đồng/m²; theo Quyết định số 47/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định (Quyết định 47) về việc điều chỉnh tỷ lệ (%) xác định giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại Bảng giá các loại đất năm 2015 (định kỳ 5 năm) trên địa bàn tỉnh Bình Định thì đơn giá đất bồi thường đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ bằng 50% giá đất ở của vị trí lô đất đó. Như vậy trong trường hợp này Quyết định 1905 đã quy định bồi thường cho ông T theo giá đất sản xuất kinh doanh, nên được tính là 2.300.000 đồng/m² x 50% = 1.150.000 đồng/m².

Quyết định số 6879/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện H1 đã áp giá đất bồi thường cho ông T theo đúng mức giá quy định nêu trên.

[3]. Xét kháng cáo của ông Đặng Đức T thì thấy:

Đối với yêu cầu kháng cáo cho rằng áp giá bồi thường không đúng, trong trường hợp này pháp luật quy định áp giá đất cụ thể do UBND cấp tỉnh quy định, quy định pháp luật không cho áp giá trị trường. Tại Quyết định số 2500/QĐ-UBND ngày 21/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định đã quy định mức giá cụ thể bồi thường đối với dự án, theo đó đất ở là 2.300.000 đồng và theo Quyết định 47 thì đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp bằng 50% giá đất ở. Hệ số K không được áp dụng trong trường hợp này theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Như vậy Quyết định số 6879 không áp giá đất tại thời điểm thu hồi (2001) mà áp giá đất tại thời điểm Quyết định số 1905/QĐ-BTNMT được ban hành là đảm bảo quyền lợi cho ông T.

Đối với yêu cầu kháng cáo cho rằng ngoài Quyết định 6879, thì người khởi kiện cũng đề nghị xem xét Báo cáo 74/BC-UBND ngày 09/5/2016; Tờ trình đề nghị số 412 ngày 21/9/2016; Thông báo số 10/TB ngày 09/1/2017 về việc niêm yết công khai phương án bồi thường; đây là các văn bản ban hành trong hoạt động nội bộ của các cơ quan, chưa áp dụng và không mang tính quyết định, chỉ bổ sung tham mưu cho việc ban hành Quyết định 6879 và triển khai thực thi quyết định này, không phải là văn bản giải quyết khiếu nại như kháng cáo nêu nên không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Bản án sơ thẩm không xem xét là có cơ sở, đúng pháp luật.

Đối với các yêu cầu khác mà Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ do người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện thì thấy rằng ông T đã trình bày 02 lần về việc rút yêu cầu khởi kiện này tại phiên tòa sơ thẩm; cho nên Bản án sơ thẩm quyết định đình chỉ các yêu cầu là đúng quy định pháp luật. Nếu có chứng cứ cho rằng quyền lợi hợp pháp của mình bị thiệt hại thì Người khởi kiện có thể khởi kiện bằng một vụ án khác để giải quyết.

Đối với yêu cầu định giá đất theo giá hiện nay thì thấy rằng trong trường hợp này pháp luật không quy định áp giá thị trường. Tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai quy định giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình công cộng, mức giá đất được áp dụng theo Quyết định 2500 (bổ sung cho quyết định 4094 ngày 31/12/2013 có thời hạn 5 năm từ 2014 - 2019) là giá đất cụ thể hiện hành. Do vậy yêu cầu định giá của người kháng cáo không được chấp nhận.

[4]. Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2018/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm là hợp lý.

[5] Kháng cáo của Người khởi kiện không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của ông Đặng Đức T và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2018/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đức T về việc hủy Quyết định số 6879/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H1, tỉnh Bình Định.

3. Án phí hành chính phúc thẩm ông T phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003534 ngày 24/10/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THA DS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Phòng HCTP.

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long